BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Số: 199 /QĐ-ĐHKT-SĐH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học viên cao học đợt 1 Khóa 2026 - 2028

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/2022/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 192 /QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 23/ 6 /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc công nhận ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đã làm thủ tục nhập học là học viên cao học đợt 1 khóa 2026 - 2028 *(danh sách kèm theo)*.

Điều 2: Khoa Đào tạo Sau đại học tổ chức các lớp học, xây dựng kế hoạch đào tạo đợt 1 khóa 2026 - 2028 theo Quy chế và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3: Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT; SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS. Vũ Ngọc Anh

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

Khóa 2026-2028 đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 199 / QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Ghi chú
1	Bùi Hữu	**Chánh**	Nam	30/10/2002	Kiến trúc	
2	Phạm Đức	**Dũng**	Nam	01/12/1998	Kiến trúc	
3	Bùi Quang	**Dũng**	Nam	21/09/1985	Kiến trúc	
4	Nguyễn Hoàng	**Hà**	Nam	20/08/2002	Kiến trúc	
5	An Xuân	**Hiếu**	Nam	07/12/2002	Kiến trúc	
6	Nguyễn Đức	**Hiếu**	Nam	20/08/1998	Kiến trúc	
7	Lê Văn	**Long**	Nam	17/01/1997	Kiến trúc	
8	Vũ Thành	**Long**	Nam	17/03/2002	Kiến trúc	
9	Trần Quang	**Thái**	Nam	08/03/1995	Kiến trúc	
10	Ngô Hoàng	**Anh**	Nam	13/08/2001	Quy hoạch vùng & đô thị	
11	Nguyễn Xuân	**Hà**	Nam	07/05/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
12	Phạm Duy	**Hưng**	Nam	04/10/1982	Quy hoạch vùng & đô thị	
13	Đỗ Thuỳ	**Linh**	Nữ	25/02/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
14	Nguyễn Đức	**Nam**	Nam	03/12/2002	Quy hoạch vùng & đô thị	
15	Lê Thị Hồng	**Ngọc**	Nữ	25/02/1992	Quy hoạch vùng & đô thị	
16	Hoàng Thu	**Trà**	Nữ	19/04/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
17	Đoàn Ngọc	**Bách**	Nam	08/12/1996	Quản lý đô thị & công trình	
18	Uông Đình	**Công**	Nam	26/07/1997	Quản lý đô thị & công trình	
19	Cao Xuân	**Dũng**	Nam	24/06/1981	Quản lý đô thị & công trình	
20	Nguyễn Văn	**Dương**	Nam	30/01/2003	Quản lý đô thị & công trình	
21	Lê Đình	**Duy**	Nam	22/07/1997	Quản lý đô thị & công trình	
22	Uông Khương	**Duy**	Nam	22/01/1999	Quản lý đô thị & công trình	
23	Nguyễn Thảo	**Duyên**	Nữ	27/07/2001	Quản lý đô thị & công trình	
24	Nguyễn Thị	**Hoà**	Nữ	11/05/2000	Quản lý đô thị & công trình	
25	Trần Mạnh	**Hùng**	Nam	02/02/1999	Quản lý đô thị & công trình	
26	Lã Tuấn	**Huy**	Nam	01/05/2001	Quản lý đô thị & công trình	
27	Giáp Thị Tú	**Lam**	Nữ	20/10/2000	Quản lý đô thị & công trình	
28	Trần Thanh	**Lâm**	Nam	20/11/1998	Quản lý đô thị & công trình	
29	Chu Ngọc	**Long**	Nam	03/09/2003	Quản lý đô thị & công trình	
30	Nguyễn Thanh	**Long**	Nam	02/07/1995	Quản lý đô thị & công trình	

TT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Ghi chú
31	Nguyễn Thị	**Mến**	Nữ	27/09/1981	Quản lý đô thị & công trình	
32	Đặng Trà	**My**	Nữ	23/07/2001	Quản lý đô thị & công trình	
33	Lương Hồng	**Phong**	Nam	01/07/2002	Quản lý đô thị & công trình	
34	Hàn Anh	**Quân**	Nam	30/11/1997	Quản lý đô thị & công trình	
35	Bùi Anh	**Quân**	Nam	08/11/2002	Quản lý đô thị & công trình	
36	Đỗ Hồng	**Quân**	Nam	20/02/2003	Quản lý đô thị & công trình	
37	Trần Minh	**Quang**	Nam	16/08/1999	Quản lý đô thị & công trình	
38	Lê Văn Đức	**Thắng**	Nam	21/10/2003	Quản lý đô thị & công trình	
39	Hoàng Văn	**Thịnh**	Nam	10/07/1977	Quản lý đô thị & công trình	
40	Mai Hữu	**Tốn**	Nam	20/03/1994	Quản lý đô thị & công trình	
41	Đỗ Sơn	**Tùng**	Nam	30/07/2002	Quản lý đô thị & công trình	
42	Nguyễn Thanh	**Tùng**	Nam	13/12/1996	Quản lý đô thị & công trình	
43	Nguyễn Thị	**Tuyết**	Nữ	15/04/1988	Quản lý đô thị & công trình	
44	Lê Ngọc	**Vân**	Nữ	18/09/1982	Quản lý đô thị & công trình	
45	Nguyễn Nam	**Cao**	Nam	16/02/1993	Kỹ thuật xây dựng	
46	Bùi Văn	**Chiến**	Nam	06/03/1993	Kỹ thuật xây dựng	
47	Vũ Thị	**Dung**	Nữ	16/02/2000	Kỹ thuật xây dựng	
48	Phạm Tuấn	**Hưng**	Nam	14/12/2000	Kỹ thuật xây dựng	
49	Trần Thanh	**Bình**	Nam	05/04/1996	Kinh tế xây dựng	
50	Nguyễn Thành	**Công**	Nam	02/06/1987	Kinh tế xây dựng	
51	Nguyễn Thị Phương	**Duyên**	Nữ	30/03/1992	Kinh tế xây dựng	
52	Hà Duy	**Hùng**	Nam	14/09/1990	Kinh tế xây dựng	
53	Nguyễn Viết	**Khải**	Nam	03/12/2003	Kinh tế xây dựng	
54	Phạm Thị Trà	**My**	Nữ	18/11/1996	Kinh tế xây dựng	
55	Đinh Thái	**Phúc**	Nam	21/04/2001	Kinh tế xây dựng	
56	Trần văn	**Anh**	Nam	23/10/2001	Thiết kế nội thất	
57	Nguyễn Hoàng	**Anh**	Nữ	29/11/1983	Thiết kế nội thất	
58	Trần Văn	**Chức**	Nam	08/08/1990	Thiết kế nội thất	
59	Chu Thị Hải	**Hà**	Nữ	04/11/2002	Thiết kế nội thất	
60	Nguyễn Thị	**Huế**	Nữ	16/11/2003	Thiết kế nội thất	
61	Lê Thị Thu	**Huyền**	Nữ	18/08/2000	Thiết kế nội thất	
62	Hoàng Thị	**Lan**	Nữ	20/02/2001	Thiết kế nội thất	
63	Trần Diệu	**Linh**	Nữ	12/05/1997	Thiết kế nội thất	
64	Cao Ngọc	**Mai**	Nữ	22/08/2001	Thiết kế nội thất	
65	Dương Thanh	**Phúc**	Nam	24/07/1993	Thiết kế nội thất	
66	Hoàng Chu	**Quân**	Nam	23/12/2003	Thiết kế nội thất	

TT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Ghi chú
67	Nguyễn Thị Minh	**Tâm**	Nữ	30/10/2003	Thiết kế nội thất	
68	Dương Thị	**Thúy**	Nữ	30/04/1998	Thiết kế nội thất	
69	Phạm Phương	**Anh**	Nữ	23/08/2003	Thiết kế đồ họa	
70	Đặng Thị Phương	**Anh**	Nữ	05/03/2001	Thiết kế đồ họa	
71	Nguyễn Viết Hà	**Anh**	Nữ	27/08/2002	Thiết kế đồ họa	
72	Giang Huyền	**Anh**	Nữ	04/03/2003	Thiết kế đồ họa	
73	Nguyễn Lê Phương	**Anh**	Nữ	01/06/2000	Thiết kế đồ họa	
74	Lê Thị Bảo	**Châu**	Nữ	19/08/1998	Thiết kế đồ họa	
75	Nguyễn Thị Việt	**Chinh**	Nữ	12/02/1997	Thiết kế đồ họa	
76	Nguyễn Mạnh	**Cường**	Nam	09/11/1992	Thiết kế đồ họa	
77	Lê Minh	**Đức**	Nam	19/04/2002	Thiết kế đồ họa	
78	Lương Thị Ngọc	**Hà**	Nữ	11/01/2002	Thiết kế đồ họa	
79	Phan Thùy	**Linh**	Nữ	22/04/1996	Thiết kế đồ họa	
80	Đỗ Nguyễn Hoàng	**Linh**	Nữ	23/09/2002	Thiết kế đồ họa	
81	Phạm Quỳnh	**Mai**	Nữ	03/05/2002	Thiết kế đồ họa	
82	Đỗ Thị Quỳnh	**Nga**	Nữ	26/12/1996	Thiết kế đồ họa	
83	Vũ Minh	**Ngọc**	Nữ	26/02/2002	Thiết kế đồ họa	
84	Tăng Mai	**Phương**	Nữ	12/11/2004	Thiết kế đồ họa	
85	Ngô Thị Diệu	**Phương**	Nữ	15/03/1994	Thiết kế đồ họa	
86	Nguyễn Thu	**Phương**	Nữ	12/03/2002	Thiết kế đồ họa	
87	Nguyễn Ánh	**Phương**	Nữ	09/12/1996	Thiết kế đồ họa	
88	Lê Thị	**Thương**	Nữ	20/10/2002	Thiết kế đồ họa	
89	Nguyễn Thị Thuỷ	**Tiên**	Nữ	26/11/2002	Thiết kế đồ họa	
90	Nguyễn Văn	**Trung**	Nam	18/12/2003	Thiết kế đồ họa	
91	Phùng Văn	**Tuấn**	Nam	09/06/2003	Thiết kế đồ họa	
92	Phạm Thị Lệ	**Xuân**	Nữ	19/08/2002	Thiết kế đồ họa	
93	Nguyễn Thị	**Yến**	Nữ	16/03/1992	Thiết kế đồ họa	

Trong đó:

Kiến trúc: *09 người (Từ 01 đến 09)*

Quy hoạch vùng & đô thị: *07 người (Từ 10 đến 16)*

Quản lý đô thị &công trình: *28 người (Từ 17 đến 44)*

Kỹ thuật xây dựng: *04 người (Từ 45 đến 48)*

Kinh tế xây dựng: *07 người (Từ 49 đến 55)*

Thiết kế nội thất: *13 người (Từ 56 đến 68)*

Thiết kế đồ họa: *25 người (Từ 69 đến 93)*